

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 720/QĐ-BNN-KH ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động trong toàn ngành và xã hội về Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu héc- ta chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long” (sau đây gọi tắt là Đề án một triệu héc- ta lúa) trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Xác định các hoạt động cụ thể, cần ưu tiên thực hiện để thúc đẩy hình thành và phát triển bền vững vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh nhằm nâng cao thu nhập của người trồng lúa và hiệu quả của chuỗi giá trị lúa gạo, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

- Thúc đẩy hình thành và phát triển ổn định các hợp tác xã, đóng góp quan trọng vào chuỗi liên kết lúa gạo trên địa bàn tỉnh. Tăng dần tỷ lệ sản xuất có liên kết tiêu thụ qua từng năm thực hiện.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Về quy mô: Phấn đấu diện tích canh tác vùng chuyên canh lúa chất lượng cao toàn tỉnh đến năm 2025 là 22.103 ha, tại các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Gò Công Đông, Gò Công Tây, thị xã Cai Lậy và thành phố Gò Công.

- Về canh tác bền vững: Tại các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp, giảm lượng lúa giống gieo sạ xuống 80 - 100 kg/héc-ta, giảm 20% lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống, 100% diện tích áp dụng ít nhất một quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, tưới ngập khô xen kẽ, tiêu chuẩn sản xuất lúa bền vững (SRP), các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng.

- Về tổ chức lại sản xuất:

+ 100% diện tích sản xuất vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp có liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất: đạt trên 50% diện tích.

+ Trên 20.000 hộ áp dụng quy trình canh tác bền vững.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh:

+ Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 10%.

+ Tỷ lệ rom được thu gom khỏi đồng ruộng và được tái sử dụng, chế biến hoặc cày vùi và sử dụng vi sinh phân hủy rom rạ để bổ sung dinh dưỡng trả lại cho đất đạt 70%.

+ Giảm lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa truyền thống trên 10%.

- Về thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng: Giá trị gia tăng trong chuỗi lúa gạo tăng 30%, trong đó tỷ suất lợi nhuận cho người trồng lúa trên 40%.

- Xây dựng thương hiệu và xuất khẩu: Lượng gạo xuất khẩu chất lượng cao và phát thải thấp chiếm trên 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng chuyên canh.

b) Đến năm 2030

- Về Quy mô: Phần đầu diện tích canh tác vùng chuyên canh lúa chất lượng cao toàn tỉnh đến năm 2030 là 29.500 ha, tại các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Gò Công Đông, Gò Công Tây, thị xã Cai Lậy và thành phố Gò Công.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

- Về canh tác bền vững: Giảm lượng lúa giống gieo sạ xuống dưới 70 kg/héc-ta, giảm 30% lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống. 100% diện tích áp dụng ít nhất một quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, SRP, tưới khô xen kẽ và các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng.

- Về tổ chức lại sản xuất:

+ 100% diện tích sản xuất vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp có liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất: đạt trên 70% diện tích.

+ Trên 30.000 hộ áp dụng quy trình canh tác bền vững.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh:

- + Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 8%.
- +100% rơm được thu gom khỏi đồng ruộng và được chế biến tái sử dụng hoặc xử lý để trả lại dinh dưỡng cho đất.
- + Giảm lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa truyền thống trên 10%.
- Về thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng: Giá trị gia tăng trong chuỗi lúa gạo tăng 40%, trong đó tỷ suất lợi nhuận cho người trồng lúa đạt trên 50%.
- Xây dựng thương hiệu và xuất khẩu: Lượng gạo xuất khẩu mang thương hiệu chất lượng cao và phát thải thấp chiếm trên 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng chuyên canh.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp quy hoạch vùng sản xuất

a) Xác định quy mô vùng sản xuất lúa tập trung, có diện tích liền mảnh tối thiểu là 50 héc-ta, trong vùng quy hoạch đất chuyên trồng lúa đến năm 2030, đảm bảo đủ điều kiện để sản xuất ít nhất 02 vụ lúa/năm hoặc có thể sản xuất 2 vụ lúa có xen canh hoặc luân canh rau màu, thủy sản đảm bảo tiêu chí về vùng lúa chất lượng cao theo Đề án một triệu ha lúa của Chính phủ.

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

b) củng cố, kiện toàn vùng sản xuất lúa đã tham gia các dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) tại các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, thị xã Cai Lậy và mở rộng các vùng sản xuất tập trung tại các huyện khác như huyện: Tân Phước, Gò Công Tây, Gò Công Đông và thành phố Gò Công (ưu tiên mở rộng tại vùng sản xuất lúa thuộc Dự án xây dựng “Vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025”).

2. Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

a) Đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng, kết nối giao thông nội đồng và hệ thống giao thông liên vùng trong tỉnh.

b) Nâng cấp các công trình thủy lợi đang có và xây dựng trạm bơm điện, hoàn thiện hệ thống kênh mương kết hợp với giao thông nội đồng để chủ động tưới tiêu theo nhu cầu và thuận lợi cho máy móc vận hành, di chuyển.

c) Rà soát mạng lưới kho, sấy, chế biến trong vùng chuyên canh lúa để tạo điều kiện về mặt bằng cho các doanh nghiệp liên kết sản xuất - tiêu thụ mở rộng cơ sở sấy, chế biến để nâng cao hiệu quả và quy mô liên kết.

3. Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ

a) Định hướng cơ cấu giống, khuyến cáo các giống lúa mới đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu và tiêu thụ nội địa và có giá trị dinh dưỡng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và điều kiện giảm phát thải khí nhà kính.

b) Ứng dụng phổ biến các quy trình sản xuất tốt đã được xác định như 1 phải 5 giảm, VietGAP, Global GAP, SRP và tương đương, lúa hữu cơ... tích hợp với công nghệ cao, tưới tiêu tự động, sử dụng thiết bị tự động và các công cụ ứng phó với biến đổi khí hậu như Bản đồ rủi ro và kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu (CS-Map), các ứng dụng dự báo khí tượng, thủy văn, bản tin thời tiết nông vụ, dự báo nguồn nước và chất lượng nước, dự báo sâu bệnh hại lúa...

c) Hỗ trợ, hướng dẫn cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác có đủ năng lực sản xuất giống lúa hoặc liên kết sản xuất giống lúa với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

d) Hỗ trợ, hướng dẫn các Hợp tác xã, Tổ hợp tác không sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chưa được phép lưu hành; giảm lượng giống gieo sạ, lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học và tăng sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón.

đ) Phát triển ứng dụng hệ thống quản lý minh bạch bằng block chain cho chuỗi giá trị lúa gạo.

e) Phát triển và ứng dụng công nghệ sử dụng, tái chế phụ phẩm lúa gạo (rơm rạ, trấu) và chế biến sâu từ nguyên liệu cám, gạo.

g) Phối hợp với các Viện, Trường, tổ chức khoa học quốc tế... ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt lĩnh vực chọn tạo giống lúa, quy trình canh tác thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong sản xuất lúa, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sâu.

h) Quản lý tốt rơm rạ phát sinh trong quá trình sản xuất theo “Quy trình quản lý rơm rạ theo hướng nông nghiệp tuần hoàn và phát thải thấp ở Đồng bằng sông Cửu Long” theo Quyết định số 248/QĐ-TT-VPPN ngày 10/7/2023 của Cục trưởng Cục Trồng trọt.

- Phát triển phần mềm, ứng dụng thiết bị di động thông minh giúp quản lý nông nghiệp số: Ứng dụng công nghệ số hoá dữ liệu, chế độ báo cáo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, thu thập dữ liệu trong quá trình canh tác, xem dự báo, cảnh báo và sử dụng cho việc truy xuất nguồn gốc.

i) Phát triển phần mềm, ứng dụng thiết bị di động thông minh giúp phát triển kinh tế số nhằm quản trị cơ sở dữ liệu lớn về sản xuất, chuyên về quản lý và phát triển nông nghiệp số, kinh tế nông nghiệp số; chuỗi cung ứng vật tư đầu vào ngành nông nghiệp; việc đăng ký, thông tin của các Hợp tác xã, doanh nghiệp thu mua, chế biến và phân phối các sản phẩm nông nghiệp; thu thập, quản lý và khai thác thông tin, nhu cầu, xu hướng và giá cả thị trường nông sản; quản lý an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc...

4. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực

a) Cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh, cấp huyện

- Tập huấn giảm phát thải khí nhà kính, hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) trong canh tác lúa phục vụ đề án 1 triệu hecta lúa chất lượng cao (tập huấn cho cán bộ công chức viên chức tỉnh, huyện).

- Đào tạo giảng viên (ToT) về Quy trình kỹ thuật áp dụng cho một triệu hecta lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long; về Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

b) Nâng cao năng lực hợp tác xã, tổ chức nông dân

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ địa phương, cán bộ quản lý hợp tác xã, nông dân về lợi ích sự liên kết sản xuất, tiêu thụ với doanh nghiệp.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ hợp tác xã, tăng cường cán bộ trẻ, phát triển mô hình nhân viên của doanh nghiệp liên kết tham gia ban quản trị hợp tác xã.
- Đào tạo huấn luyện nông dân quy trình sản xuất tốt, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và các kỹ năng ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất.
- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng của hợp tác xã để có điều kiện liên kết sản xuất - tiêu thụ với doanh nghiệp.
- Thực hiện cơ chế vay vốn dễ dàng cho hợp tác xã với cơ chế ưu tiên cho các hợp tác xã có hợp đồng dài hạn liên kết với doanh nghiệp.
- Chuyển đổi hợp tác xã từ cách hoạt động truyền thống sang hợp tác xã kiểu mới hoạt động kinh doanh như một doanh nghiệp nhỏ.

c) Tập huấn nông dân

Đào tạo tập huấn nông dân quy trình sản xuất tốt, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và các kỹ năng ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất; Quy trình kỹ thuật áp dụng cho một triệu héc-ta lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh; Quy trình quản lý rơm rạ theo hướng nông nghiệp tuần hoàn và phát thải thấp; Quy trình ủ phân hữu cơ từ rơm rạ, phát triển nguyên liệu rơm làm nguyên liệu phục vụ các ngành khác...

5. Thực hiện truy xuất nguồn gốc

a) Tiếp tục hướng dẫn, thực hành sản xuất nông sản an toàn, hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kết nối liên kết tiêu thụ sản phẩm.

b) Đào tạo đội ngũ tư vấn viên thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trên địa bàn tỉnh chủ động thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho các tổ chức/cá nhân có nhu cầu thực hiện chứng nhận nhằm giảm chi phí thuê đơn vị tư vấn.

c) Lồng ghép triển khai, hướng dẫn nông dân ghi chép đầy đủ sổ nhật ký sản xuất phục vụ hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

d) Thực hiện công tác xây dựng mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu, nhất là xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

6. Giải pháp về cơ giới hóa

a) Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất, gieo cấy, đến chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch và sau thu hoạch. Cụ thể, sử dụng san phẳng mặt ruộng điều khiển bằng tia laser, máy cấy, máy gieo sạ theo cụm kết hợp bón vùi phân, sử dụng cảm biến và điều khiển tự động tưới nước, sử dụng thiết bị bay không người lái (Drone) để gieo sạ, bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật... Hệ thống vận chuyển, lò sấy, xay sát, chế biến... do doanh nghiệp đầu tư.

b) Hoàn thiện chính sách hỗ trợ đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa.

c) Vận hành hiệu quả các bãi đèn thông minh tại các vùng sản xuất lúa trọng điểm của tỉnh.

d) Phát triển và nhân rộng các mô hình ứng dụng đồng bộ cơ giới hóa trong sản xuất.

7. Giải pháp về liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa

a) Hợp tác xã kêu gọi doanh nghiệp liên kết có thể đồng thời đảm nhận cung cấp vật tư đầu vào, bao gồm lúa giống và các dịch vụ phục vụ sản xuất khác cho hợp tác theo thỏa thuận. Sự liên kết được thể hiện bằng hợp đồng kinh tế có sự chứng nhận của chính quyền địa phương cấp huyện hoặc cấp xã.

b) Xây dựng nhãn hàng hóa sản phẩm gạo trong các vùng chuyên canh tham gia Đề án.

c) Xây dựng thương hiệu gạo mới đặc trưng của tỉnh và phát huy các thương hiệu gạo hiện có như: Gạo Gò Công, gạo VD 20...

8. Thông tin, truyền thông

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, chính sách và lợi ích của sự phát vùng chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh và chuỗi giá trị lúa gạo nhằm nâng cao nhận thức của người dân và trách nhiệm cho các cấp, các ngành.

b) Quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu gạo sản xuất từ vùng lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh ở trong và ngoài nước.

c) Tuyên truyền, quảng bá các mô hình tốt, các sáng kiến mới.

d) Tuyên truyền, biểu dương các điển hình doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tiên tiến.

đ) Tuyên truyền các mô hình liên kết bền vững, cách vận động hay của các tổ chức nông dân, tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh.

9. Khen thưởng

Tổng kết, đánh giá và biểu dương, khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong tổ chức, tham gia thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Vốn ngân sách nhà nước thực hiện Đề án được chi cho xây dựng cơ sở hạ tầng ở vùng sản xuất liên kết, ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến nông, đào tạo và tập huấn cho hợp tác xã và thực hiện các chính sách hỗ trợ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia liên kết.

- Nguồn vốn bảo vệ phát triển đất trồng lúa và vốn thủy lợi phí hằng năm.

- Các nguồn vốn tài trợ quốc tế.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm theo mục tiêu Kế hoạch; theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vấn đề về mặt kỹ thuật phát sinh trong thực hiện Kế hoạch.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Xây dựng kinh phí, hoàn thiện các điều kiện ban đầu để triển khai Đề án trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư thực hiện các công trình, dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư, đầu tư theo hình thức đối tác công tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác”.

3. Sở Tài chính

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương có liên quan cân đối nguồn kinh phí chi thường xuyên trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Sở Công Thương

Quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu gạo sản xuất từ vùng lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh ở trong và ngoài nước.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu thực hiện nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trên cơ sở bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Trong đó, ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ góp phần trực tiếp vào phát triển ngành hàng lúa gạo (chuyển đổi số, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch).

- Hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phục vụ cho phát triển ngành lúa gạo.”

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương rà soát quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất trồng lúa.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền và kiểm tra giám sát việc áp dụng các biện pháp canh tác giúp giảm phát thải khí nhà kính được khuyến cáo trong Đề án.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh giải pháp thúc đẩy tăng trưởng “tín dụng xanh”, các chương trình, đề án trọng điểm trên địa bàn...

- Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, chế biến sâu, cơ giới hóa đồng bộ, phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.

8. Liên minh Hợp tác xã

- Phối hợp tuyên truyền và thực hiện các chính sách khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ để nhân rộng cánh đồng lớn, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất theo chuỗi liên kết. Đồng thời, hỗ trợ và củng cố các Tổ hợp tác, Hợp tác xã đảm bảo đủ mạnh để đại diện nông dân tham gia liên kết với doanh nghiệp. Thúc đẩy nhanh việc hình thành các Tổ hợp tác tại các vùng khi có doanh nghiệp tham gia liên kết thu mua.

- Có chính sách hỗ trợ các Hợp tác xã phát triển, đặc biệt hỗ trợ liên doanh, liên kết cung ứng dịch vụ đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra, mở rộng dịch vụ sản xuất kinh doanh.

9. Ủy ban nhân dân các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Gò Công Đông, Gò Công Tây, thị xã Cai Lậy và thành phố Gò Công

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của kế hoạch này, xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện của từng địa phương; Đưa vào nghị quyết thực hiện nhiệm vụ hàng năm, chỉ đạo thực hiện đạt kế hoạch đề ra.

- Giới thiệu vùng chuyên canh được xác định cho doanh nghiệp, làm cầu nối cho sự liên kết giữa doanh nghiệp với Hợp tác xã và chứng nhận các hợp đồng liên kết. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách có liên quan, xây dựng chương trình, dự án địa phương và bố trí ngân sách để triển khai thực hiện Đề án.

- Quan tâm hỗ trợ Hợp tác xã trong quá trình hợp tác với doanh nghiệp đặc biệt về đào tạo nhân lực quản lý hợp tác xã, nâng cấp cơ sở hạ tầng, tuyên truyền và tập huấn nông dân.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động nông dân tham gia Hợp tác xã, tích cực thực hiện các hoạt động sản xuất lúa giảm phát thải. Đồng thời hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, thương lái triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu Chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

- Tuyên truyền cho hội viên, nông dân thực hiện tốt Kế hoạch này; vận động hội viên, nông dân áp dụng các quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn tiên tiến như SRP, VietGAP, Global GAP, hữu cơ... vào sản xuất.

- Phối hợp tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo tuyên truyền, vận động nông dân sản xuất nông sản chủ lực liên kết với doanh nghiệp thông qua các tổ hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

- Tập huấn, hướng dẫn hội viên, nông dân và người đại diện chủ động thiết lập và duy trì các điều kiện tiêu chuẩn của vùng trồng xuất khẩu, đạt yêu cầu cấp mã số vùng trồng; chú trọng đến quản lý sinh vật gây hại, giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và giảm chi phí vật tư nông nghiệp.

11. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và đề nghị Báo Ấp Bắc

Phối hợp tổ chức tuyên truyền, truyền thông, vận động nâng cao nhận thức nông dân về mục đích ý nghĩa, lợi ích của sản xuất lúa chuyên canh chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh. Phát động nông dân tham gia các phong trào thi đua ứng dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất lúa nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất bảo vệ môi trường nông thôn.

12. Các doanh nghiệp liên quan đến sản xuất, kinh doanh lúa gạo

Tham gia liên kết sản xuất, kinh doanh, vận động hỗ trợ thành viên tổ chức liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia Đề án để xây dựng chuỗi giá trị gạo chất lượng cao và phát thải thấp.

Yêu cầu sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện khẩn trương phối hợp thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung Kế hoạch nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kịp thời./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Trọng

Phụ lục

Các vùng sản xuất lúa tham gia Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 08/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Khu vực sản xuất lúa tham gia Đề án		Diện tích đề xuất tham gia (ha)	
		Năm 2025	Năm 2030
Huyện Cái Bè		3.100	3.165
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 1	Hậu Mỹ Bắc A	1.300	1.300
	Hậu Mỹ Bắc B	1.050	1.100
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 2	Hậu Mỹ Trinh	750	765
Huyện Cai Lậy		4.000	5.000
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 1	Mỹ Thành Bắc	744	930
	Mỹ Thành Nam		
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 2	Mỹ Thành Bắc Mỹ Thành Nam	412	515
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 3	Thanh Lộc Mỹ Thành Nam	400	500
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 4	Phú Nhuận Xã Phú Cường	932	1.165
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 5	Phú Cường	366	458
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 6	Thanh Lộc Phú Cường	1.026	1.282
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 7	Phú Cường	120	150

Khu vực sản xuất lúa tham gia Đề án		Diện tích đề xuất tham gia (ha)	
		Năm 2025	Năm 2030
Thị xã Cai Lậy		1.575	2.250
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 1	Tân Phú	140	200
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 2	Mỹ Phước Tây	665	950
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 3	Mỹ Hạnh Đông	490	700
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 4	Tân Bình	140	200
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 5	Mỹ Hạnh Trung	140	200
Huyện Tân Phước		1.618	5.000
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 1	Tân Hòa Tây	768	1.900
	Thạnh Hòa	200	750
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 2	Phước Lập	300	1.400
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 3	Phú Mỹ	150	450
	Tân Hòa Thành	200	500
Huyện Gò Công Tây		5.522	7.254
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 1	TT. Vĩnh Bình	140	187
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 2	Bình Nhì	389	459
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 3	Thạnh Nhựt	135	142
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 4	Đồng Sơn	113	195
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 5	Đồng Thạnh	595	851
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 6	Thành Công	336	493
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 7	Vĩnh Hựu	224	320
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 8	Bình Tân	663	777
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 9	Long Bình	921	1.020
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 10	Yên Luông	420	600
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 11	Thạnh Trị	606	845

Khu vực sản xuất lúa tham gia Đề án		Diện tích đề xuất tham gia (ha)	
		Năm 2025	Năm 2030
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 12	Bình Phú	546	746
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 13	Long Vĩnh	434	620
Huyện Gò Công Đông		5.928	5.928
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 1	Tân Đông	100	100
	Tân tây	100	100
	Tân Phước	650	650
	Gia Thuận	188	188
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 2	Ấp bắc 1, bắc 2 xã Tân Điền	210	210
	Kiêng Phước	900	900
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 3	Ấp Nam, Hộ, Trung, rạch bùn xã Tân Điền	200	200
	Tân Thành	735	735
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 4 (vùng trũng)	Tân Điền	330	330
	Tân Thành	15	15
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 5	Bình Ân	500	500
	Tăng Hòa	700	700
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 6	Phước Trung	800	800
	Bình Nghị	500	500
Thành phố Gò Công		360	903
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 1	Ấp 1, ấp Thành Nhứt, ấp Thành Nhì - Xã Bình Xuân	107	268

Khu vực sản xuất lúa tham gia Đề án		Diện tích đề xuất tham gia (ha)	
		Năm 2025	Năm 2030
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 2	Ấp 1, ấp 2, ấp 3 - Xã Bình Xuân	66	166
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 3	Ấp 5, ấp 7 - Xã Bình Xuân	21	52
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 4	Ấp 6 - Xã Bình Xuân	6	14
	Ấp Hoà Thân - Xã Bình Đông	32	80
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 5	Ấp 7 - Xã Bình Xuân	33	83
	Ấp Cộng Lạc - Xã Bình Đông	22	55
• Khu vực sản xuất lúa các bon thấp vùng 6	Ấp Mỹ Xuân - Xã Tân Trung	74	186
TỔNG CỘNG		22.103	29.500

*** Hiện trạng sản xuất lúa năm 2023:**

- Diện tích canh tác lúa toàn tỉnh 56.114 ha, trong đó vùng tham gia Đề án là 49.961 ha, chiếm 89,0%.
- Tỷ lệ diện tích áp dụng “1 phải 5 giảm” chiếm 77,8%.
- Lượng giống gieo sạ trung bình 100 - 130 kg/héc-ta.
- Tỷ lệ rom được thu gom, tái sử dụng: 86%.